TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 747/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc

Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 182 đường Nhuận Đức, tổ 2, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 182 đường Nhuận Đức, tổ 2, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp tòa ngày 14/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Hai ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 119, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2008. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc. Nhưng những năm gần đây thường xuyên gây gổ, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bị

đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật A, sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/11/2013. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung; không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Bị đơn vắng mặt, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Bị đơn có đăng ký kết hôn với nguyên đơn, giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng theo ông trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn là bình thường, ông còn thương vợ, thương con, muốn con có đủ cha, mẹ nên không đồng ý ly hôn, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Thống nhất có 02 con chung như nguyên đơn trình bày; nếu Tòa án quyết định ly hôn thì bị đơn đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/11/2013 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày 19/02/2010 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 1.000.000 đồng mỗi tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 1.000.000 đồng mỗi tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện đang cư trú tại ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn C lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, bị đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/2008 cấp, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nội dung:

Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân: bà T trình bày do không hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi làm cuộc sống gia đình rơi vào nhiều bế tắc không hạnh phúc, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn ông C. Ông C thừa nhận có mâu thuẫn với bà T. Theo kết quả xác minh mâu thuẫn thì Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức xác định bà T và ông C thuồng xuyên xảy ra mâu thuẫn làm mất an ninh trật tự địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, càng ngày càng mâu thuẫn lớn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thanh T có mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C là có cơ sở. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung: Hai ông bà có Nguyễn Nhật A, sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/11/2013, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đồng thời nguyện vọng của 02 trẻ là mong muốn sống chung với bà T sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xét giao 02 trẻ Nhật A và Đức A cho nguyên đơn bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi con số tiền là 500.000 đồng (hai con là 1.000.000 đồng một tháng), ông C cũng tự nguyện cấp dưỡng như yêu cầu của bà T. Hội đồng xét xử xét cần ghi nhận sự tự nguyện của ông C.

Xét yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà T và ông C xác định tự thỏa thuận tài sản chung, do vậy Hội đồng không xem xét về tài sản chung, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Xét về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T và ông C xác định không có nghĩa vụ dân sự chung, do vậy Hội đồng không xem xét, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét cần buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T là được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2008 ngày 06/11/2008 do Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Nhật A, sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 12/11/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng/2 con chung (mỗi con chung số tiền là 500.000 đồng mỗi tháng) bắt đầu thực hiện từ tháng 07/2023 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người trực tiếp nuôi con chung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C chưa thi hành cấp dưỡng hoặc thi hành cấp dưỡng không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm thi hành cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không xem xét trong vụ án này.

- Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba 1trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0020539 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh